

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1
(Đợt thi 20,21 tháng 1 năm 2024)
(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2024)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA30500	20810000160	Nguyễn Văn	An	06/09/02	21.0	17.0	25.0	19.0	82.0	
2	TA30501	20810810147	Giáp Thị Ngọc	Anh	12/09/02	19.0	15.0	19.5	4.0	57.5	
3	TA30502	20810720016	Nguyễn Đức	Anh	25/08/02	20.0	0.0	7.5	1.0	28.5	
4	TA30503	19810230052	Nguyễn Hồng Mai	Anh	19/11/01	19.0	18.0	17.0	19.0	73.0	
5	TA30504	20810000366	Nguyễn Minh	Anh	06/04/02	20.0	20.0	21.5	20.0	81.5	
6	TA30505	19810110049	Nguyễn Quỳnh	Anh	01/10/01	19.0	18.0	26.5	14.0	77.5	
7	TA30506	21810710274	Nguyễn Vân	Anh	19/02/03	21.0	17.0	11.0	18.0	67.0	
8	TA30507	19810510127	Phạm Nhật	Anh	06/02/01	18.0	18.0	22.5	19.0	77.5	
9	TA30508	20810000404	Phạm Thuý	Anh	25/11/02	15.0	17.0	19.0	15.0	66.0	
10	TA30509	21810710268	Phan Thị Vân	Anh	17/08/03	17.0	17.0	30.0	10.0	74.0	
11	TA30510	20810710217	Phương Việt	Anh	14/11/02	16.0	11.0	11.0	1.0	39.0	
12	TA30511	20810820069	Trần Thị Minh	Anh	29/06/22	16.0	20.0	22.5	22.0	80.5	
13	TA30512	19810410047	Đào Đức	Công	09/08/1993	22.0	15.0	12.0	10.0	59.0	
14	TA30513	20819110101	Dương Thế	Công	04/04/01	22.0	16.0	10.5	5.0	53.5	
15	TA30514	21810440659	Nguyễn Trọng	Đại	12/07/02	0.0	0.0	12.0	0.0	12.0	
16	TA30515	20810430303	Nguyễn Ngọc Hải	Đảng	06/09/03	16.0	19.0	14.5	17.0	66.5	
17	TA30516	19810430311	Đào Trọng	Đạt	28/12/02	15.0	17.0	25.5	16.0	73.5	
18	TA30517	20810710238	Lê Đình	Đạt	27/06/01	16.0	15.0	15.5	6.0	52.5	
19	TA30518	20810110254	Trần Hồng	Diệp	08/01/02	20.0	0.0	9.5	3.0	32.5	
20	TA30519	20810850041	Lương Ngọc	Đồng	05/09/02	21.0	13.0	10.5	6.0	50.5	
21	TA30520	20810820063	Lê Huỳnh	Đức	06/12/02	23.0	16.0	17.0	6.0	62.0	
22	TA30521	20810820036	Nguyễn Hùng	Đức	04/07/02	16.0	15.0	12.0	13.0	56.0	
23	TA30522	20810000038	Giáp Thị	Dung	01/03/02	17.0	18.0	12.0	17.0	64.0	
24	TA30523	20810000244	Mùi Thị	Dung	20/08/01	16.0	16.0	14.5	6.0	52.5	
25	TA30524	19810420034	Nguyễn Thị	Dung	03/02/02	17.0	15.0	22.5	16.0	70.5	
26	TA30525	19810110059	Nguyễn Mạnh	Dũng	22/04/01	8.0	18.0	17.0	15.0	58.0	
27	TA30526		Phan Tiến	Dũng	22/04/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
28	TA30527	20810110270	Hà Tuấn	Dương	13/08/02	20.0	18.0	24.0	15.0	77.0	
29	TA30528	19810000052	Lê Quý Đại	Dương	03/11/01	20.0	15.0	18.0	4.0	57.0	
30	TA30529	20810850087	Phạm Thùy	Dương	01/08/02	16.0	18.0	23.0	20.0	77.0	
31	TA30530	20810160551	Vì Tuấn	Dương	06/06/02	20.0	18.0	1.5	14.0	53.5	
32	TA30531	20819120021	Đỗ Phú	Duy	22/10/02	4.0	0.0	16.5	1.0	21.5	
33	TA30532	20810810146	Cà Mỹ	Duyên	15/11/01	8.0	20.0	13.0	18.0	59.0	
34	TA30533	2283010019	Bùi Thị	Giang	02/02/91	5.0	15.0	8.5	8.0	36.5	
35	TA30534	20810810115	Đỗ Thị Thùy	Giang	06/04/02	6.0	12.0	14.5	3.0	35.5	
36	TA30535	20810710199	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	30/08/02	13.0	14.0	25.0	4.0	56.0	
37	TA30536	20810230036	Trần Lê Hương	Giang	16/08/02	16.0	20.0	28.5	21.0	85.5	
38	TA30537	19810430010	Trần Xuân	Giang	03/01/01	5.0	15.0	25.0	5.0	50.0	
39	TA30538	20810810136	Nguyễn Ích	Hà	06/07/02	7.0	16.0	7.5	2.0	32.5	
40	TA30539	ĐVThS	Nguyễn Vũ	Hà	30/09/1974	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
41	TA30540	20CH5020030	Trần Thái	Hà	11/07/1980	17.0	17.0	13.0	11.0	58.0	
42	TA30541	19810110182	Hoàng Xuân	Hải	01/09/00	17.0	17.5	19.0	20.0	73.5	
43	TA30542	20810850038	Nguyễn Đức	Hạnh	09/11/02	14.0	18.0	16.5	14.0	62.5	
44	TA30543	20810810113	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	17/10/02	12.0	14.0	16.5	11.0	53.5	
45	TA30544	20819110077	Nguyễn Văn	Hào	23/04/02	5.0	16.0	14.5	3.0	38.5	
46	TA30545	20810850054	Đào Thanh	Hiền	01/12/02	2.0	17.0	16.5	14.0	49.5	
47	TA30546	19810110326	Nguyễn Thị	Hiền	26/02/01	17.0	18.0	21.5	18.0	74.5	
48	TA30547	20810720031	Nguyễn Thị Thái	Hiền	13/08/02	11.0	16.0	19.0	6.0	52.0	
49	TA30548	21810710233	Nguyễn Thu	Hiền	09/02/03	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
50	TA30549	20CH5020012	Hoàng Xuân	Hiền	15/05/1995	17.0	17.5	10.5	20.0	65.0	
51	TA30550	21810710263	Nguyễn Đình	Hiếu	08/12/03	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
52	TA30551	19810430354	Phạm Minh	Hiếu	01/04/01	15.0	16.0	18.0	18.0	67.0	
53	TA30552	20810710211	Lê Lâm Tuấn	Hoàng	27/06/02	0.0	0.0	8.5	0.0	8.5	
54	TA30553	19810170219	Phạm Văn	Hoàng	07/09/01	15.0	16.0	24.0	16.0	71.0	
55	TA30554	20810710193	Nguyễn Ánh	Hồng	29/06/02	14.0	4.0	13.5	6.0	37.5	
56	TA30555	20810810171	Nguyễn Thị Thu	Hồng	14/02/02	11.0	19.0	18.0	16.0	64.0	
57	TA30556	21810710435	Hoàng Thị Thu	Huệ	31/12/03	11.0	0.0	11.0	2.0	24.0	
58	TA30557	20810000197	Nguyễn Bá	Hùng	24/09/02	0.0	0.0	8.5	0.0	8.5	
59	TA30558	19810170110	Trần Mạnh	Hùng	18/05/01	22.0	16.0	18.0	16.0	72.0	
60	TA30559	20810000336	Nguyễn Hoàng	Hung	24/12/02	17.0	20.0	21.5	10.0	68.5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
61	TA30560	20810820104	Nguyễn Việt	Hung	02/08/02	24.0	18.0	23.0	14.0	79.0	
62	TA30561	20810810177	Nguyễn Thị Thu	Hương	28/05/02	24.0	16.0	21.5	14.0	75.5	
63	TA30562	20810810076	Nguyễn Thị Lan	Hương	02/04/02	10.0	19.0	25.0	18.0	72.0	
64	TA30563	ĐVThS	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/09/1980	23.0	17.0	24.0	19.0	83.0	
65	TA30564	20810710237	Phan Thu	Hương	27/05/02	16.0	15.0	17.0	13.0	61.0	
66	TA30565	20810610026	Nguyễn Ngọc	Hướng	08/02/02	18.0	19.0	19.5	14.0	70.5	
67	TA30566	19810110329	Nguyễn Quang	Huy	11/08/01	24.0	16.0	16.5	14.0	70.5	
68	TA30567	20810000187	Nguyễn Văn	Huy	24/10/02	24.0	10.0	14.5	11.0	59.5	
69	TA30568	20810340248	Nguyễn Xuân	Huy	24/03/02	7.0	0.0	10.5	0.0	17.5	
70	TA30569	19810430018	Trần Quang	Huy	16/09/01	19.0	18.0	24.0	13.0	74.0	
71	TA30570	19810430022	Vũ Quang	Huy	08/09/01	18.0	19.0	16.5	16.0	69.5	
72	TA30571	20810850031	Nguyễn Thanh	Huyền	20/12/02	14.0	18.0	25.5	14.0	71.5	
73	TA30572	21810710165	Trần Thị Thu	Huyền	01/06/03	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
74	TA30573	20810420038	Vi Thu	Huyền	01/11/02	21.0	20.0	22.5	22.0	85.5	
75	TA30574	19810170073	Phạm Tiến	Huỳnh	11/01/01	11.0	0.0	15.5	0.0	26.5	
76	TA30575	20810230044	Trần Hữu	Khải	28/11/02	16.0	20.0	16.5	11.0	63.5	
77	TA30576	19810430292	Lê Đức	Khánh	01/04/01	19.0	18.0	20.5	13.0	70.5	
78	TA30577	21810710249	Nguyễn Kim	Khánh	23/04/03	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
79	TA30578	20810230003	Mai Văn	Khương	21/07/01	14.0	17.0	19.0	3.0	53.0	
80	TA30579	ĐVThS	Hoàng Đức	Kiên	14/03/2000	23.0	19.0	12.0	19.0	73.0	
81	TA30580	21810850410	Trần Trung	Kiên	26/01/03	8.0	7.0	21.5	0.0	36.5	
82	TA30581	21810710271	Nguyễn Ngọc	Lan	18/02/03	5.0	0.0	13.0	0.0	18.0	
83	TA30582	20810000500	Nguyễn Thị	Lành	08/12/02	6.0	14.0	17.0	12.0	49.0	
84	TA30583	20810810094	Dương Thị Hương	Liên	07/11/01	5.0	16.0	15.5	14.0	50.5	
85	TA30584	20810810083	Thái Thị Phương	Liên	25/03/02	8.0	14.0	19.5	19.0	60.5	
86	TA30585	20810810129	Nguyễn Diệu	Linh	05/01/02	5.0	14.0	25.0	19.0	63.0	
87	TA30586	20810810065	Nguyễn Thị Phương	Linh	12/05/02	13.0	17.0	23.0	19.0	72.0	
88	TA30587	20810420025	Phạm Khánh	Linh	25/10/02	6.0	0.0	19.0	2.0	27.0	
89	TA30588	20810810131	Trần Thị Ngọc	Linh	06/09/02	6.0	17.0	19.5	4.0	46.5	
90	TA30589	19810110390	Vũ Hoàng Yến	Linh	10/06/01	8.0	18.0	29.0	20.0	75.0	
91	TA30590	19810430293	Nguyễn Xuân	Lộc	01/02/01	6.0	15.0	21.5	20.0	62.5	
92	TA30591	19810430286	Bùi Thế	Long	10/08/01	2.0	15.0	15.5	14.0	46.5	
93	TA30592	19810000336	Đông Văn	Long	13/10/01	6.0	18.5	13.5	10.0	48.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
94	TA30593	19810000081	Phạm Đức	Lương	04/05/01	8.0	16.0	19.5	17.0	60.5	
95	TA30594	20810810130	Lê Thảo	Ly	19/08/02	5.0	13.0	19.0	14.0	51.0	
96	TA30595	20810810041	Nguyễn Thị Khánh	Ly	14/09/02	6.0	0.0	22.5	1.0	29.5	
97	TA30596	20810610017	Nguyễn Tiến	Mạnh	19/10/02	8.0	10.0	18.0	7.0	43.0	
98	TA30597	20810230023	Phạm Thị	Mến	14/10/02	8.0	2.0	19.5	17.0	46.5	
99	TA30598	19810430316	Nguyễn Đức	Minh	30/01/01	8.0	16.0	20.5	17.0	61.5	
100	TA30599	20810000196	Phạm Quang	Minh	06/05/02	4.0	18.0	18.0	11.0	51.0	
101	TA30600	19810430346	Hoàng Văn	Nam	06/02/01	5.0	6.0	19.5	8.0	38.5	
102	TA30601	20810340160	Nguyễn Duy	Nam	06/06/02	10.0	20.0	21.5	19.0	70.5	
103	TA30602	2272010043	Phan Nguyễn Văn	Ngãi	25/01/96	8.0	20.0	25.5	20.0	73.5	
104	TA30603	20810810182	Nguyễn Thị	Ngân	21/08/02	9.0	17.0	19.0	14.0	59.0	
105	TA30604	20810000477	Trần Thị	Ngoan	11/04/01	8.0	18.0	15.5	3.0	44.5	
106	TA30605	19810430289	Nguyễn Đức	Ngọc	19/09/01	8.0	17.0	13.5	9.0	47.5	
107	TA30606	19810430075	Ngô Khuất	Nguyên	25/06/01	8.0	0.0	13.5	12.0	33.5	
108	TA30607	20810820047	Nguyễn Thùy	Nhi	21/02/02	8.0	18.0	20.5	20.0	66.5	
109	TA30608	20810710233	Đỗ Hồng	Nhung	19/05/02	8.0	18.0	15.5	20.0	61.5	
110	TA30609	20810000029	Kiều Thị Hồng	Nhung	25/11/02	10.0	19.0	15.5	20.0	64.5	
111	TA30610	20810230034	Nguyễn Thị	Nhung	17/09/02	10.0	18.0	10.5	20.0	58.5	
112	TA30611	20810810107	Đinh Thị	Ninh	12/03/02	6.0	18.0	16.5	16.0	56.5	
113	TA30612	20810810179	Trần Kim	Oanh	08/04/02	8.0	0.0	7.5	20.0	35.5	
114	TA30613	20810810119	Nguyễn Thị Thu	Phương	18/12/02	6.0	18.0	7.0	14.0	45.0	
115	TA30614	20810850033	Nguyễn Thu	Phương	15/08/02	8.0	19.0	15.5	20.0	62.5	
116	TA30615	20810810100	Phạm Thị Ngọc	Phương	14/03/02	8.0	0.0	8.5	18.0	34.5	
117	TA30616	20810810176	Tạ Thu	Phương	01/01/02	8.0	0.0	8.5	7.0	23.5	
118	TA30617	20810810144	Trần Minh	Phương	21/03/2002	7.0	18.0	25.0	17.0	67.0	
119	TA30618	20810850066	Ngô Sỹ	Quân	27/09/02	7.0	17.0	25.0	15.0	64.0	
120	TA30619	21810710159	Nguyễn Mạnh	Quân	17/01/03	12.0	18.0	14.5	22.0	66.5	
121	TA30620	19810170192	Nguyễn Văn	Quân	27/12/01	9.0	15.0	9.5	18.0	51.5	
122	TA30621	20810000411	Tổng Văn	Quang	21/10/02	5.0	16.0	14.5	17.0	52.5	
123	TA30622	19810110265	Đinh Viết	Quý	02/01/01	5.0	10.0	16.5	19.0	50.5	
124	TA30623	20810710224	Lê Thu	Quyên	24/08/02	10.0	15.0	14.5	18.0	57.5	
125	TA30624	19810430034	Phạm Mạnh	Quỳnh	19/07/01	5.0	14.0	25.5	23.0	67.5	
126	TA30625	20810720062	Hoàng Hồng	Son	20/04/00	5.0	4.0	17.0	18.0	44.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
127	TA30626	19810540132	Trương Văn	Son	27/10/01	7.0	17.0	25.5	19.0	68.5	
128	TA30627	20810230049	Nguyễn Thị	Tâm	08/05/02	5.0	15.0	25.5	19.0	64.5	
129	TA30628	20810310560	Trịnh Trọng	Tấn	07/02/02	4.0	18.0	17.0	21.0	60.0	
130	TA30629	19810660061	Bùi Quảng	Thái	21/10/01	6.0	18.0	18.0	20.0	62.0	
131	TA30630	20810230119	Nguyễn Đức	Thắng	18/04/02	6.0	18.0	24.0	19.0	67.0	
132	TA30631	19819120146	Trương Minh	Thắng	14/10/01	6.0	18.0	17.0	18.0	59.0	
133	TA30632	20810420044	Chu Tuấn	Thành	05/03/02	7.0	18.0	19.0	20.0	64.0	
134	TA30633	19810110002	Lê Chí	Thành	06/12/01	3.0	18.0	14.5	18.0	53.5	
135	TA30634	19810510120	Nguyễn Trung	Thành	06/07/01	7.0	20.0	21.5	19.0	67.5	
136	TA30635	21810710301	Trịnh Phương	Thảo	29/05/03	5.0	0.0	17.0	16.0	38.0	
137	TA30636	19810230056	Trần Văn	Thịnh	28/07/00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
138	TA30637	20810710210	Lê Thị	Thúy	09/03/02	5.0	2.0	21.5	17.0	45.5	
139	TA30638	19810430313	Bùi Sỹ	Tiến	18/08/01	3.0	3.0	25.0	17.0	48.0	
140	TA30639	20810420052	Đỗ Văn	Tiến	05/10/02	3.0	0.0	7.0	5.0	15.0	
141	TA30640	19810540128	Nguyễn Minh	Toán	25/05/01	7.0	19.0	22.5	17.0	65.5	
142	TA30641	20810810099	Hoàng Hiền	Trang	22/05/02	0.0	15.0	16.5	0.0	31.5	
143	TA30642	20810410097	Trần Quỳnh	Trang	29/06/02	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
144	TA30643	20810850027	Trần Đức	Triều	10/02/02	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
145	TA30644	19810430117	Ngô Vương	Trung	16/12/01	7.0	0.0	15.5	5.0	27.5	
146	TA30645	20810430193	Trần Quang	Trường	10/10/02	7.0	14.0	18.0	16.0	55.0	
147	TA30646	19810420384	Trần Kim	Tú	17/07/01	3.0	0.0	8.5	11.0	22.5	
148	TA30647	19810540200	Đào Tuấn	Tùng	23/04/01	7.0	18.0	22.5	11.0	58.5	
149	TA30648	20810230105	Đinh Lâm	Tùng	24/05/02	6.0	18.0	16.5	11.0	51.5	
150	TA30649	19810620025	Nguyễn Bách	Tùng	15/12/01	6.0	18.0	26.5	20.0	70.5	
151	TA30650	20810170313	Nguyễn Đức Sơn	Tùng	07/10/02	0.0	19.0	16.5	0.0	35.5	
152	TA30651	19810430073	Nguyễn Thế	Tùng	13/06/01	7.0	18.0	21.5	15.0	61.5	
153	TA30652	19810000123	Trịnh Hà Xuân	Tùng	18/02/01	5.0	18.0	22.5	8.0	53.5	
154	TA30653	20810810063	Nguyễn Thị Thu	Uyên	19/05/01	6.0	18.0	19.5	17.0	60.5	
155	TA30654	20810710284	Trần Thị Thu	Uyên	16/10/02	4.0	18.0	14.5	10.0	46.5	
156	TA30655	20810000380	Dương Khánh	Vân	18/11/02	12.0	19.0	21.5	20.0	72.5	
157	TA30656	20810610249	Phùng Huy	Văn	08/05/02	9.0	15.0	24.0	14.0	62.0	
158	TA30657	ĐVThS	Trần Quốc	Việt	24/11/1999	4.0	18.0	24.0	18.0	64.0	
159	TA30658	20810610262	Vũ Đức	Việt	19/02/02	5.0	12.0	25.0	16.0	58.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
160	TA30659	19819120120	Đặng Long	Vũ	21/10/01	5.0	13.0	23.0	16.0	57.0	
161	TA30660	19810320384	Bùi Khánh	An	25/03/01	12.0	17.0	19.5	20.0	68.5	
162	TA30661	19810810157	Nguyễn Viết	An	17/01/01	22.0	17.0	24.0	20.0	83.0	
163	TA30662	20810820013	Đàm Diệu	Anh	09/11/02	22.0	18.0	30.0	20.0	90.0	
164	TA30663	1781110102	Doãn Tuấn	Anh	12/10/99	23.0	18.0	21.5	20.0	82.5	
165	TA30664	19810230068	La Quang	Anh	26/11/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
166	TA30665	19810710194	Lê Quốc	Anh	20/10/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
167	TA30666	19810430300	Mạc Tuấn	Anh	11/01/01	22.0	17.0	25.5	19.0	83.5	
168	TA30667	19810710200	Nguyễn Hoàng	Anh	19/06/01	21.0	17.0	24.0	23.0	85.0	
169	TA30668	20810710176	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/04/02	23.0	18.0	25.0	22.0	88.0	
170	TA30669	19810000039	Phan Tuấn	Anh	30/04/01	10.0	2.0	16.5	8.0	36.5	
171	TA30670	20810840007	Phùng Việt	Anh	10/10/02	22.0	18.0	12.0	13.0	65.0	
172	TA30671	19810850014	Trần Hải	Anh	04/04/01	21.0	11.0	21.5	19.0	72.5	
173	TA30672	19810310026	Trần Tuấn	Anh	28/05/00	23.0	19.0	14.5	18.0	74.5	
174	TA30673	20810000201	Nguyễn Văn	Bảo	23/09/02	23.0	16.0	13.5	19.0	71.5	
175	TA30674	20810110273	Lò Văn	Bích	12/08/02	23.0	17.0	24.0	19.0	83.0	
176	TA30675	20810420080	Lường Văn	Bình	09/09/01	20.0	18.0	19.5	20.0	77.5	
177	TA30676	19810230041	Nguyễn Minh	Châu	29/11/01	11.0	19.0	21.5	16.0	67.5	
178	TA30677	19810720228	Đào Văn	Chiến	07/10/01	13.0	18.0	9.5	20.0	60.5	
179	TA30678	18810310164	Trần Minh	Chiến	29/05/00	13.0	15.5	20.5	6.0	55.0	
180	TA30679	18810840006	Nguyễn Hoàng	Cúc	11/10/99	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
181	TA30680	19810170158	Trần Mạnh	Cường	23/04/01	16.0	17.0	26.5	21.0	80.5	
182	TA30681	19810320378	Nguyễn Phương Linh	Đan	26/09/01	17.0	20.0	22.5	21.0	80.5	
183	TA30682	19810620037	Nguyễn Văn	Đạt	26/11/01	19.0	16.0	21.5	9.0	65.5	
184	TA30683	18810110297	Lê Minh	Đạt	29/01/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
185	TA30684	18810830021	Nguyễn Đình	Đạt	10/11/00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
186	TA30685	19810310245	Lê Huy	Dậu	23/12/01	21.0	18.0	30.0	21.0	90.0	
187	TA30686	19810310355	Bùi Quang	Điệp	23/12/01	20.0	15.5	25.5	18.0	79.0	
188	TA30687	19810230016	Đoàn Tiến	Dũng	28/03/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
189	TA30688	18810310331	Nguyễn Mạnh	Dũng	01/11/00	16.0	0.0	25.5	5.0	46.5	
190	TA30689	18810830033	Hà Thuỳ	Dương	20/09/00	23.0	17.0	26.5	8.0	74.5	
191	TA30690	1781510022	Đoàn Phan	Duy	02/09/99	22.0	20.0	27.5	18.0	87.5	
192	TA30691	19810710114	Dương Kỳ	Duyên	19/09/01	22.0	18.0	26.5	19.0	85.5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
193	TA30692	19810310398	Hà Thị	Giang	17/02/01	21.0	9.0	29.0	17.0	76.0	
194	TA30693	18810540102	Vương Trường	Giang	08/09/00	20.0	15.0	17.0	12.0	64.0	
195	TA30694	19810310038	Bùi Hoàng	Hà	27/06/01	22.0	17.0	23.0	20.0	82.0	
196	TA30695	20810000131	Nguyễn Thu	Hà	06/06/02	21.0	16.0	16.5	15.0	68.5	
197	TA30696	19810110071	Trần Thị Ngọc	Hà	03/02/01	22.0	18.0	21.5	20.0	81.5	
198	TA30697	19810110134	Ngô Quý	Hải	28/09/97	21.0	15.0	27.5	18.0	81.5	
199	TA30698	18810340508	Ngô Thị Thúy	Hằng	10/05/00	19.0	19.0	24.0	19.0	81.0	
200	TA30699	19810710218	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	27/07/01	19.0	19.0	30.0	20.0	88.0	
201	TA30700	19810810085	Đào Minh	Hạnh	14/06/01	21.0	19.0	21.5	17.0	78.5	
202	TA30701	20810840006	Phạm Anh	Hào	27/01/02	21.0	17.0	26.5	21.0	85.5	
203	TA30702	18810710095	Hà Minh	Hiền	22/03/00	22.0	18.0	28.5	21.0	89.5	
204	TA30703	20810710222	Lê Thu	Hiền	12/09/02	22.0	18.0	23.0	22.0	85.0	
205	TA30704	18810310430	Nguyễn Thế	Hiển	11/11/00	14.0	19.5	26.5	15.0	75.0	
206	TA30705	20810820123	Dương Nhật	Hiệp	18/10/02	19.0	18.0	29.0	16.0	82.0	
207	TA30706	18810310287	Nguyễn Tuấn	Hiệp	01/12/00	19.0	12.0	30.0	12.0	73.0	
208	TA30707	19810420095	Đàm Xuân	Hiếu	17/09/01	17.0	17.0	20.5	12.0	66.5	
209	TA30708	19819120135	Nguyễn Phúc Minh	Hiếu	20/03/01	13.0	16.0	20.5	17.0	66.5	
210	TA30709	19810000053	Phạm Minh	Hiếu	8/11/0001	21.0	17.0	22.5	17.0	77.5	
211	TA30710	18810310656	Nguyễn Đình	Hiệu	11/02/00	22.0	19.0	16.5	20.0	77.5	
212	TA30711	18810170033	Vũ Văn	Hình	14/09/00	20.0	17.0	14.5	10.0	61.5	
213	TA30712	18810310584	Nguyễn Đăng	Hòa	22/11/00	15.0	0.0	21.5	3.0	39.5	
214	TA30713	19810310615	Lê Thị Thanh	Hoài	02/09/01	14.0	9.0	28.5	5.0	56.5	
215	TA30714	19810310388	Đỗ Minh	Hoàn	29/10/01	13.0	20.0	22.5	15.0	70.5	
216	TA30715	20810840028	Đỗ Huy	Hoàng	19/12/02	14.0	18.0	25.0	1.0	58.0	
217	TA30716	20810820045	Phạm Huy	Hoàng	22/03/02	11.0	18.0	27.5	18.0	74.5	
218	TA30717	18810310383	Trần Anh	Hoảng	18/12/00	8.0	0.0	29.0	3.0	40.0	
219	TA30718	19810310266	Nguyễn Tuấn	Hùng	09/09/01	9.0	14.0	25.0	4.0	52.0	
220	TA30719	18810110310	Nguyễn Long	Hưng	03/10/00	11.0	18.0	25.0	15.0	69.0	
221	TA30720	18810310207	Phạm Ngọc	Hưng	28/10/00	11.0	19.0	22.5	16.0	68.5	
222	TA30721	20810710244	Phạm Thị Lan	Hương	14/12/02	15.0	16.0	27.5	17.0	75.5	
223	TA30722	20810000135	Tạ Thị	Hương	15/02/02	11.0	18.0	24.0	14.0	67.0	
224	TA30723	19810310662	Lê Tự	Hữu	08/04/01	8.0	12.0	24.0	6.0	50.0	
225	TA30724	20810820001	Đinh Phương	Huyền	22/03/02	9.0	16.0	30.0	18.0	73.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
226	TA30725	20810110257	Nguyễn Thị	Huyền	17/09/02	18.0	16.0	30.0	12.0	76.0	
227	TA30726	20810000148	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	12/03/02	20.0	16.0	29.0	17.0	82.0	
228	TA30727	19810710024	Phạm Khánh	Huyền	11/09/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
229	TA30728	20810810163	Triệu Thị Khánh	Huyền	09/12/02	10.0	18.0	26.5	19.0	73.5	
230	TA30729	18810170110	Đỗ Đức	Khải	17/06/00	9.0	13.0	26.5	15.0	63.5	
231	TA30730	19810430185	Nguyễn Đức	Khánh	30/04/01	12.0	20.0	22.5	16.0	70.5	
232	TA30731	18810310246	Vũ HồNg	Khiêm	06/01/00	4.0	14.0	22.5	8.0	48.5	
233	TA30732	20810620090	Nguyễn Trung	Kiên	11/12/01	4.0	0.0	20.5	3.0	27.5	
234	TA30733	19810310642	Đỗ Hoàng	Linh	22/07/01	8.0	20.0	23.0	18.0	69.0	
235	TA30734	19810340101	Đỗ Thùy	Linh	22/10/01	8.0	17.0	27.5	15.0	67.5	
236	TA30735	18810310474	Quách Thị Mỹ	Linh	07/02/00	22.0	18.0	21.5	15.0	76.5	
237	TA30736	20810820143	Trịnh Thị Phương	Linh	22/10/02	25.0	17.0	28.5	24.0	94.5	
238	TA30737	18810310121	Nguyễn Tài	Lộc	13/01/00	10.0	18.0	24.0	17.0	69.0	
239	TA30738	19810000229	Quách Đăng	Lộc	11/12/01	25.0	16.0	29.0	22.0	92.0	
240	TA30739	19810310206	Nguyễn Tiến	Lợi	04/04/01	9.0	18.0	25.0	11.0	63.0	
241	TA30740	20810820074	Đoàn Hải	Long	31/10/02	23.0	19.0	25.5	22.0	89.5	
242	TA30741	18810410224	Nguyễn Ngọc	Long	11/08/00	15.0	18.0	23.0	19.0	75.0	
243	TA30742	18810310586	Trần Hải	Long	10/12/00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
244	TA30743	18810620138	Trần Tiến	Lực	11/08/00	10.0	11.0	21.5	14.0	56.5	
245	TA30744	20810820131	Đào Thị Khánh	Ly	03/01/02	23.0	17.0	27.5	22.0	89.5	
246	TA30745	1781510048	Nguyễn Thị	Mai	25/12/99	23.0	16.0	19.5	23.0	81.5	
247	TA30746	19810310141	Vũ Ngọc	Mai	09/06/01	10.0	14.0	25.0	14.0	63.0	
248	TA30747	18810310151	Đàm Tuấn	Minh	08/12/00	11.0	16.0	23.0	13.0	63.0	
249	TA30748	19810000174	Nguyễn Công	Minh	20/11/01	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
250	TA30749	20810820053	Nguyễn Đình Duy	Minh	20/09/02	23.0	19.0	29.0	22.0	93.0	
251	TA30750	19810310616	Vũ Nhật	Minh	12/11/01	17.0	18.0	14.5	18.0	67.5	
252	TA30751	20810840018	Đỗ Hoài	Nam	2/21/0001	23.0	17.0	23.0	21.0	84.0	
253	TA30752	19810310178	Nguyễn Hà	Nam	22/01/01	6.0	18.0	17.0	14.0	55.0	
254	TA30753	18810310433	Nguyễn Hải	Nam	25/09/00	13.0	20.0	11.0	14.0	58.0	
255	TA30754	19810310644	Nguyễn Nhật	Nam	28/09/01	10.0	17.0	24.0	18.0	69.0	
256	TA30755	19810710244	Nguyễn Thị	Ngân	10/09/01	22.0	12.0	26.5	17.0	77.5	
257	TA30756	1781110151	Nguyễn Trung	Nghĩa	28/03/99	23.0	18.0	28.5	21.0	90.5	
258	TA30757	19810310360	Hoàng Hồng	Ngọc	23/02/01	14.0	16.0	24.0	12.0	66.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
259	TA30758	19810620015	Mai Bảo	Nguyên	02/10/01	20.0	16.0	24.0	18.0	78.0	
260	TA30759	18810310641	Nguyễn Quang	Nguyên	19/05/00	20.0	5.0	27.5	17.0	69.5	
261	TA30760	19819120013	Trần Quang	Nguyên	06/03/01	25.0	18.0	13.5	15.0	71.5	
262	TA30761	18810810167	Trần Thị Thanh	Nhàn	10/01/00	22.0	14.0	27.5	17.0	80.5	
263	TA30762	19810310142	Trần Lệnh	Phú	15/04/01	11.0	5.0	25.0	1.0	42.0	
264	TA30763	20810000091	Dương Hồng	Phúc	22/01/02	23.0	18.0	25.5	15.0	81.5	
265	TA30764	18810420118	Phạm Quang	Phúc	25/07/00	13.0	18.0	14.5	7.0	52.5	
266	TA30765	1781620073	Nguyễn Hữu	Phước	14/10/99	15.0	15.0	27.5	18.0	75.5	
267	TA30766	19819120140	Lưu Ngọc	Quân	25/01/01	21.0	12.0	19.0	20.0	72.0	
268	TA30767	20810820017	Nguyễn Minh	Quân	23/06/02	25.0	16.0	24.0	20.0	85.0	
269	TA30768	19810720110	Nguyễn Hoàng	Quyền	24/09/00	24.0	18.0	22.5	18.0	82.5	
270	TA30769	20810820075	Nguyễn Duy	Son	14/08/02	23.0	16.0	21.5	22.0	82.5	
271	TA30770	18819120006	Phan Văn	Son	29/07/99	23.0	0.0	16.5	17.0	56.5	
272	TA30771	18810340039	Trần Xuân	Son	11/08/00	19.0	17.0	25.5	13.0	74.5	
273	TA30772	19810410218	Nguyễn Công	Thái	02/10/01	24.0	17.0	24.0	14.0	79.0	
274	TA30773	1781410030	Bùi Đình	Thanh	28/03/99	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
275	TA30774	19810620014	Nguyễn Hồng	Thanh	07/11/01	23.0	0.0	0.0	2.0	25.0	
276	TA30775	19810310645	Bùi Đức	Thành	09/03/01	17.0	19.0	19.5	16.0	71.5	
277	TA30776	19810430299	Vũ Công	Thành	25/12/01	23.0	18.0	27.5	15.0	83.5	
278	TA30777	19810310574	Ngô Phương	Thảo	23/04/01	21.0	13.0	25.0	19.0	78.0	
279	TA30778	20810840016	Vũ Phương	Thảo	25/03/01	22.0	18.0	22.5	23.0	85.5	
280	TA30779	20810230146	Nguyễn Văn	Thạo	28/04/02	23.0	17.0	26.5	21.0	87.5	
281	TA30780	18810310621	Đỗ Đức	Thiện	14/03/00	22.0	11.0	27.5	6.0	66.5	
282	TA30781	20810820064	Nguyễn Minh	Thông	15/01/02	23.0	18.0	25.5	22.0	88.5	
283	TA30782	20810430137	Lê Văn	Thương	13/07/02	19.0	16.0	26.5	19.0	80.5	
284	TA30783	20810430179	Giáp Biên	Thủy	03/09/02	21.0	18.0	25.5	22.0	86.5	
285	TA30784	19810230065	Tạ Thị Thu	Thủy	22/11/01	19.0	15.0	24.0	18.0	76.0	
286	TA30785	19810230005	Nguyễn Thị	Thủy	21/03/01	19.0	19.0	20.5	22.0	80.5	
287	TA30786	19810810132	Chu Thị Thanh	Thúy	08/10/01	18.0	18.0	28.5	17.0	81.5	
288	TA30787	19810310554	Trần Thị	Thùy	24/10/01	13.0	13.0	23.0	15.0	64.0	
289	TA30788	19810000067	Trần Đình	Tiến	14/07/01	15.0	18.0	24.0	21.0	78.0	
290	TA30789	18810310181	Nguyễn Văn	Tiền	08/05/00	23.0	11.0	29.0	7.0	70.0	
291	TA30790	19810310274	Lê Quốc	Toàn	15/09/01	15.0	17.0	29.0	17.0	78.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
292	TA30791	20810230152	Nghiêm Thị Thu	Trang	18/08/02	18.0	18.0	27.5	13.0	76.5	
293	TA30792	20810720046	Nguyễn Thị Thu	Trang	31/07/01	14.0	19.0	19.5	23.0	75.5	
294	TA30793	20810710093	Nguyễn Thu	Trang	20/02/02	14.0	16.0	29.0	23.0	82.0	
295	TA30794	19810310640	Phạm Minh	Trí	01/06/01	4.0	0.0	24.0	11.0	39.0	
296	TA30795	18810110211	Phạm Quốc	Trung	16/07/00	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
297	TA30796	19810410260	Vũ Đình	Trung	06/01/01	4.0	0.0	0.0	3.0	7.0	
298	TA30797	20810820117	Nguyễn Tiên	Trường	16/06/02	14.0	18.0	14.5	2.0	48.5	
299	TA30798	19810430303	Nguyễn Văn	Trường	14/01/01	16.0	15.0	21.5	20.0	72.5	
300	TA30799	20810840002	Bùi Văn	Tú	13/02/02	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
301	TA30800	18810340302	Phạm Ngọc	Tú	26/08/00	8.0	17.0	19.0	18.0	62.0	
302	TA30801	19810000033	Nguyễn Hoàng	Tùng	28/09/01	8.0	15.0	24.0	2.0	49.0	
303	TA30802	18810310114	Hồ Đức	Tuân	29/05/00	4.0	15.0	14.5	13.0	46.5	
304	TA30803	18810310600	Hoa Anh	Tuân	09/12/00	8.0	16.0	27.5	14.0	65.5	
305	TA30804	18810410159	Nguyễn Anh	Tuấn	20/10/00	8.0	16.0	23.0	18.0	65.0	
306	TA30805	18810310104	Trần Ngọc	Tuấn	18/07/00	2.0	15.0	18.0	11.0	46.0	
307	TA30806	18810620118	Hoàng Thọ	Văn	12/03/00	17.0	17.0	26.5	18.0	78.5	
308	TA30807	18810340093	Nguyễn Ngọc	Việt	14/08/00	5.0	0.0	19.0	11.0	35.0	
309	TA30808	1781420141	Nông Tuấn	Vũ	03/11/99	22.0	10.0	22.5	16.0	70.5	
310	TA30809	20810000156	Trần Hoàng	Vượng	07/04/02	23.0	17.0	26.5	15.0	81.5	
311	TA30810	20810820080	Nguyễn Kim	Ngân	20/08/02	23.0	20.0	25.5	20.0	88.5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 311 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 65/100,

2, Kỹ năng nghe tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 7/20, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.